

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn chí Cường

2. Bà Nguyễn Thị Hưởng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị T T H T, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Ấp L B, xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Anh N H A, sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú : Ấp L B, xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị T T H T trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án yêu cầu giải quyết như sau:*

Chị T T H T, anh N H A xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung sống bên gia đình của anh N H A tại xã L H. Chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Hai bên không tìm được biện pháp giải quyết, Chị T không thể tiếp tục chung sống với anh N H A và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị T và anh H A chung sống có 02 con chung tên N N G H, sinh ngày 25/3/2018 và N H L, sinh ngày 04/10/2010. Sau khi ly hôn, về con chung Chị T yêu cầu được nuôi cháu N N G H và đồng ý để cháu N H L cho anh H A trực tiếp nuôi dưỡng và Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị T T H T khởi kiện ly hôn với anh N H A. Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bị đơn anh N H A đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị T T H T, anh N H A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An số 1187/2009, quyển số 1, ngày 24/12/2009. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị T T H T đối với anh N H A. Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống, sinh được 02 con chung. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau. Hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết. Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 12/2019 cho đến nay. Anh N H A không đến Tòa án để tham dự hòa giải, tham dự phiên tòa do đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T T H T.

[5] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N N G H, sinh ngày 25/3/2018. Chị T đồng ý để cháu N H L, sinh ngày 04/10/2010 cho anh N H A tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy tại bản tự khai ngày 20/02/2020 cháu L có nguyện vọng sống với anh H A. Do đó yêu cầu của Chị T là có căn cứ.

[6] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét và anh H A không có ý kiến gì khi nhận thông báo thụ lý vụ án, Chị T và anh H A không

phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[7] Tài sản chung; nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T T H T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T T H T với anh N H A.

1. Về hôn nhân: Cho chị T T H T được ly hôn với anh N H A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu N N G H, sinh ngày 25/3/2018 cho chị T T H T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N H L, sinh ngày 04/10/2010 cho anh N H A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H A không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị T T H T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị T T H T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01593 ngày 18/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung ngân sách Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã L H
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hoàng**